**MA TRẬN + ĐẶC TẢ MỨC ĐỘ ĐÁNH GIÁ CỤ THỂ HK I MÔN TOÁN-LỚP 6**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT**  **(1)** | **Chương/**  **Chủ đề**  **(2)** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức**  **(3)** | **Mức độ đánh giá**  **(4)** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức**  **(5) – (12)** | | | | | | | | **Tổng % điểm**  **(13)** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TN** | **TL** | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** |
| **1** | **Chủ đề 1**  **Số tự nhiên** | **Nội dung 1:**  Số tự nhiên và tập hợp các số tự nhiên. Thứ tự trong tập hợp các số tự nhiên | ***Thông hiểu:***  – Biểu diễn được các số tự nhiên từ 1 đến 30 bằng cách sử dụng các chữ số La Mã. Câu 1 |  |  | **1**  **0,5đ** |  |  |  |  |  | **5%** |
|
| **Nội dung 2:**  ***Các phép tính với số tự nhiên. Phép tính luỹ thừa với số mũ tự nhiên*** | ***Nhận biết:***  – Nhận biết được thứ tự thực hiện các phép tính. Câu 2 | **1**  **0,5đ** |  |  |  |  |  |  |  | **5%** |
| ***Vận dụng:***  – Thực hiện được các phép tính: cộng, trừ, nhân, chia trong tập hợp số tự nhiên.  – Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng trong tính toán.  – Thực hiện được phép tính luỹ thừa với số mũ tự nhiên; thực hiện được các phép nhân và phép chia hai luỹ thừa cùng cơ số với số mũ tự nhiên.  – Vận dụng được các tính chất của phép tính (kể cả phép tính luỹ thừa với số mũ tự nhiên) để tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí. Câu 7 a,b |  |  |  |  |  | **1**  **1,0đ** |  |  | **10%** |
| ***Vận dụng cao:***  – Giải quyết được những vấn đề thực tiễn ***(phức hợp, không quen thuộc)*** gắn với thực hiện các phép tính. Câu 12 |  |  |  |  |  |  |  | **1**  **0,5 đ** | **5%** |
| **2** | **Chủ đề 2:**  **Số nguyên** | **Nội dung 1:**  ***Số nguyên âm và tập hợp các số nguyên. Thứ tự trong tập hợp các số nguyên*** | ***Nhận biết:***  – Nhận biết được số nguyên âm, tập hợp các số nguyên.  – Nhận biết được số đối của một số nguyên.  – Nhận biết được thứ tự trong tập hợp các số nguyên.  – Nhận biết được ý nghĩa của số nguyên âm trong một số bài toán thực tiễn. Câu 8 | **1**  **0,5đ** |  |  |  |  |  |  |  | **5%** |
| ***Thông hiểu:***  – Biểu diễn được số nguyên trên trục số.  – So sánh được hai số nguyên cho trước. Câu 8a |  |  |  | **1**  **0,5đ** |  |  |  |  | **5%** |
| **Nội dung 2:**  Các phép tính với số nguyên. Tính chia hết trong tập hợp các số nguyên | ***Nhận biết :***  – Nhận biết được quan hệ chia hết, khái niệm ước và bội trong tập hợp các số nguyên. Câu 8b |  | **1**  **0,5 đ** |  |  |  |  |  |  | **5%** |
| ***Vận dụng:***  – Thực hiện được các phép tính: cộng, trừ, nhân, chia (chia hết) trong tập hợp các số nguyên.  – Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc trong tập hợp các số nguyên trong tính toán (tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí).  – Giải quyết được những vấn đề thực tiễn ***(đơn giản, quen thuộc)*** gắn với thực hiện các phép tính về số nguyên (ví dụ: tính lỗ lãi khi buôn bán,...). câu 9 |  |  |  |  |  | **2**  **2,0đ** |  |  | **20%** |
| ***Vận dụng cao:***  – Giải quyết được những vấn đề thực tiễn ***(phức hợp, không quen thuộc)*** gắn với thực hiện các phép tính về số nguyên. Câu 10 |  |  |  |  |  |  |  | **1**  **0.5 đ** | **5%** |
| **3** | **Chủ đề 3:**  **Các hình phẳng trong thực tiễn** | **Nội dung 1:**  Tam giác đều, hình vuông, lục giác đều | ***Nhận biết:***  – Nhận dạng được tam giác đều, hình vuông, lục giác đều câu 4 | **1**  **0,5đ** |  |  |  |  |  |  |  | **5%** |
| **Nội dung 2:**  Hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành, hình thang cân | ***Nhận biết***  – Mô tả được một số yếu tố cơ bản (cạnh, góc, đường chéo) của hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành, hình thang cân. Câu11 |  | **1**  **0,5 đ** |  |  |  |  |  |  | **5%** |
| ***Thông hiểu***  – Vẽ được hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành bằng các dụng cụ học tập.  – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn ***(đơn giản, quen thuộc)*** gắn với việc tính chu vi và diện tích của các hình đặc biệt nói trên (ví dụ: tính chu vi hoặc diện tích của một số đối tượng có dạng đặc biệt nói trên,...). câu 11 |  |  |  | **1**  **0,5 đ** |  |  |  |  | **5%** |
| ***Vận dụng***  – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với việc tính chu vi và diện tích của các hình đặc biệt nói trên. Câu 11 |  |  |  |  |  | **1**  **0,5đ** |  |  | **5%** |
| **4** | **Chủ đề 4:**  **Tính đối xứng của hình phẳng trong thế giới tự nhiên** | **Nội dung 1:**  ***Hình có trục đối xứng*** | ***Nhận biết:***  – Nhận biết được trục đối xứng của một hình phẳng.  – Nhận biết được những hình phẳng trong tự nhiên có trục đối xứng (khi quan sát trên hình ảnh 2 chiều). Câu 5 | **1**  **0,5đ** |  |  |  |  |  |  |  | **5%** |
| **Nội dung 2:**  Hình có tâm đối xứng | ***Nhận biết:***  – Nhận biết được tâm đối xứng của một hình phẳng.  – Nhận biết được những hình phẳng trong thế giới tự nhiên có tâm đối xứng (khi quan sát trên hình ảnh 2 chiều). Câu 6 | **1**  **0,5đ** |  |  |  |  |  |  |  | **5%** |
| **Nội dung 3:**  Vai trò của đối xứng trong thế giới tự nhiên | ***Nhận biết:***  – Nhận biết được tính đối xứng trong Toán học, tự nhiên, nghệ thuật, kiến trúc, công nghệ chế tạo,...  – Nhận biết được vẻ đẹp của thế giới tự nhiên biểu hiện qua tính đối xứng (ví dụ: nhận biết vẻ đẹp của một số loài thực vật, động vật trong tự nhiên có tâm đối xứng hoặc có trục đối xứng). Câu 11 |  | **1**  **0,5đ** |  |  |  |  |  |  | **5%** |
| **Tổng** | | |  | ***5*** | ***3*** | ***1*** | ***2*** |  | ***4*** |  | ***1*** | ***16*** |
| **Tỉ lệ %** | | |  | ***25%*** | ***15%*** | ***5%*** | ***10%*** |  | ***35%*** |  | ***10%*** | ***100%*** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | ***40%*** | | ***15%*** | | ***35%*** | | ***10%*** | | ***100%*** |

**ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I**

Môn toán 6

Thời gian 90 phút

1. **Trắc nghiệm:**

**Câu 1**: phát biểu nào sau đây là đúng:

A. sô IX trong hệ thập phân là 11 B. số XXVIII trong hệ thập phân là 28

c. Số XIIII trong hệ thập phân là 14 D. Số XXVI trong hệ thập phân là 24

**Câu 2**: Thứ tự thực hiện phép tính đối với biểu thức không có dấu ngoặc như sau:

A. Nhân và chia -> cộng và trừ -> lũy thừa

B. Lũy thừa -> cộng, trừ -> nhân và chia

C. Nhân và chia -> lũy thừa -> cộng và trừ

D. Lũy thừa -> nhân và chia -> cộng và trừ

**Câu 3**: Tập hợp các số nguyên gồm

A. Các số nguyên âm, số 0, và số nguyên dương

B. Các số nguyên âm và số nguyên dương

C. Các số nguyên âm và số 0

D. Số 0 và các số nguyên dương

**Câu 4:** Trong các hình sau hình nào là hình vuông

A. B. C. D.

**Câu 5**: Chữ cái nào sau đây có trục đối xứng

A. A B. P C. Q D. R

**Câu 6**: Chữ cái nào sau đây có tâm đối xứng

A. A B. N C. M D. Y

**II. Tự luận: (7 điểm)**

**Câu 7**: (1 điểm)

Thực hiện phép tính:

a) 64 – 32 + 8 b) 3.33+63:32

**Câu 8**: (1 điểm)

a) Biễu diễn các số -3; 3; 4; -1 trên trục số

b) Tìm các ước của -27

**Câu 9**: (2 điểm)

Tìm x:

a) x + (-32) = 18 b) -2x - (-21) = 15

**Câu 10**: (0,5 điểm)

Năm ngoái tổng thu nhập của gia đình nhà bác Lan là 180 triệu đồng. Trong khi đó tổng chi phí là 144 triệu đồng. Hỏi trung bình mỗi tháng gia đình đình nhà Bác Lan tiết kiệm được bao nhiêu tiền?

**Câu 11**: (2 điểm)

a) Vẽ hình chữ nhật ABCD có AB = 6cm; BC = 4cm.

b) Xác định tâm đối xứng của hình chữ nhật ABCD

c) Tính chu vi và diện tích của hình chữ nhật ABCD

Hết

**ĐÁP ÁN KIỂM TRA HỌC KÌ I**

**Thời gian 90 phút**

Môn: toán 6

1. **Trắc nghiệm**: (3 điểm) mỗi ý đúng cho 0,5 điểm

|  |  |
| --- | --- |
| Câu | 1 2 3 4 5 6 |
| Đáp án | B D A B A B |

1. **Tự luận:**

**Câu 7**: (1 điểm) Thực hiện phép tính:

1. 64 - 32+8 b. 3.33 + 63: 32

= (64- 32) +8 = 34 + 63:9

= 32 +8 = 81 + 7

= 40 88

**Câu 8**: (1 điểm)

a. -3 -1 0 3

1. Ư(-27) là các số: 1; -1 ; 3; -3; 27; -27

**Câu 9:** (2 điểm)

1. x + (-23) = 18 b. -2x – (-21) =15

x = 18+32 -2x + 21 =15

x = 50 -2x = 15 -21

-2x = -6

x = 3

**Câu 10**: (0,5 điểm)

Năm ngoái gia đình bác Lan tiết kiệm được số tiền là:

1. - 144 = 36 (triệu đồng)

Mỗi tháng trung bình gia đình bác Lan tiết kiệm được số tiền là:

36: 12 = 3 (triệu đồng)

**Câu 11**: (2 điểm)

1. vẽ được hình chữ nhật ABCD (cho 0,5 điểm)
2. Tâm đối xứng của hình chữ nhật ABCD là: giao điểm của hai đường chéo AC và BD (cho 0,5 điểm)
3. c. Chu vi của hình chữ nhật là: C = (AB + CD) . 2 = (6+4). 2 = 20 cm (cho 0,5 điểm)
4. Diện tích của hình chữ nhật là: S = AB. BC = 6.4 = 24 cm2 (cho 0,5 điểm)

Hết